

KẾT HỢP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

PHẠM XUÂN NAM^(*)

I. Chủ trương, quan điểm đổi mới của Đảng

Nhìn lại thời kỳ trước đổi mới, do nhiều nguyên nhân mà chủ yếu là do những chủ trương, chính sách mang nặng tính chủ quan, duy ý chí của Đảng và Nhà nước trong cải tạo XHCN và xây dựng CNXH theo một mô hình cũ đã lỗi thời, cho nên nước ta – chỉ mấy năm sau khi đạt đến đỉnh cao vinh quang của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc - đã dần dần lâm vào trì trệ, suy thoái rồi khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

Với phương châm "*nhìn thẳng vào sự thật*", Đại hội VI của Đảng đã nghiêm khắc tự phê bình về những chủ trương, chính sách sai lầm trước đây, đồng thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Trong đó có những nội dung trực tiếp liên quan đến việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội chủ yếu sau (1, tr.75-76):

- Chuyển nền kinh tế từ mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, nhằm giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

- Thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế.

- Bảo đảm cho người lao động có thu nhập thỏa đáng phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, có tác dụng khuyến khích nhiệt tình lao động. Tôn trọng lợi ích chính đáng của mọi tầng lớp dân cư trong các hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp, có ích cho xã hội.

- Tiếp thu và ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trên thế giới, làm cho khoa học, kỹ thuật thật sự trở thành động lực to lớn đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Chăm lo đáp ứng nhu cầu giáo dục của nhân dân, coi trọng đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật phù hợp với yêu cầu phân công lao động xã hội.

- Phấn đấu nâng cao chất lượng các hoạt động y tế và đạt được tiến bộ rõ rệt trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Kể từ sau Đại hội VI, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ngày càng đi vào chiều sâu. Trước những vấn đề mới nảy

^(*) GS., TS. Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

sinh từ cuộc sống, Đảng ta đã rất coi trọng phát triển tư duy lý luận trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong nước, đồng thời mở rộng tầm nhìn ra bên ngoài, chú ý tham khảo kinh nghiệm của thế giới. Qua đó, các đại hội VII, VIII, IX, X của Đảng và nhiều hội nghị Trung ương giữa các nhiệm kỳ đại hội ngày càng xác định rõ hơn mô hình kinh tế tổng quát, mục tiêu chung, cùng với hệ thống các chủ trương và quan điểm có ý nghĩa chỉ đạo công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta, nhất là các lĩnh vực có liên quan đến việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

1. Mô hình kinh tế tổng quát và mục tiêu của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội

Mọi người đều biết, Đại hội VI của Đảng mới chỉ bước đầu đề ra chủ trương chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xem tính kế hoạch là đặc trưng thứ nhất và việc sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ là đặc trưng thứ hai của cơ chế mới về quản lý kinh tế. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, do Đại hội VII của Đảng thông qua, lần đầu tiên đưa ra công thức: "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước" (2, tr.9-10). Công thức này về sau được Đại hội VIII của Đảng điều chỉnh thành: Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Tiến lên một bước, Đại hội IX của Đảng, trong khi nhắc lại nội dung trên, đã khẳng định dứt khoát: "Đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng XHCN...*, *mô hình kinh tế tổng*

quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH" (3, tr.86, 88).

Theo mô hình này, chúng ta sử dụng cơ chế thị trường với tư cách là thành quả của nền văn minh nhân loại làm phương tiện để năng động hóa và đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân. Chúng ta không rập khuôn theo mô hình kinh tế thị trường tự do – dù là dựa vào lý thuyết của chủ nghĩa tự do cổ điển hay lý thuyết của chủ nghĩa tự do mới. Bởi thực tế đã cho thấy, bản thân nền kinh tế thị trường tự do không tự động dẫn đến tiến bộ và công bằng xã hội, trái lại có khi nó còn cản trở việc thực hiện các mục tiêu trên, làm nảy sinh nhiều vấn đề kinh tế, xã hội nan giải. Chúng ta linh hoạt sử dụng cả "bàn tay vô hình" của cơ chế thị trường và bàn tay hữu hình của Nhà nước để khắc phục những thất bại của thị trường trong việc giải quyết các vấn đề xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng. Chúng ta chú ý tham khảo và tiếp thu có lựa chọn những kinh nghiệm hay của mô hình kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước phúc lợi xã hội, nhưng cũng không sao chép mô hình này. Vì tình hình kinh tế - xã hội và truyền thống văn hóa của mỗi nước đều có đặc thù riêng, cho nên không thể áp dụng máy móc một mô hình nào đó từ bên ngoài.

Xuất phát từ đặc điểm của đất nước sau nhiều thập kỷ tiến hành cách mạng dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, Đảng ta chủ trương sử dụng đúng đắn các công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nhằm kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân, hướng tới mục tiêu: **Dân**

giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Chủ trương, quan điểm về việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong tiến trình đổi mới

Không dừng lại ở việc xác định mô hình kinh tế tổng quát và mục tiêu chung của công cuộc phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta, quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội từ sau Đại hội VI đến nay còn tiếp tục đạt được những thành tựu rất quan trọng, thể hiện ở sự hình thành một hệ thống các chủ trương và quan điểm lớn mang tầm vóc của *những triết lý phát triển* có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn nổi bật sau đây:

Một là: Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Đây chính là chủ trương và quan điểm có ý nghĩa bao trùm.

Hai là: Tôn trọng lợi ích chính đáng của người lao động và các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Ba là: Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân.

Bốn là: Khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Coi một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự

phát triển. Đồng thời có chính sách hướng dẫn, hỗ trợ người nghèo vươn lên làm đủ sống và phấn đấu trở thành khá giả.

Năm là: Xem giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài – yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành.

Sáu là: Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cũng là quốc sách hàng đầu, là động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Bảy là: Thực hiện đồng bộ chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, phấn đấu giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe đối với các tầng lớp dân cư, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

Tám là: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xem văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Chín là: Chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người - với tư cách là mỗi cá nhân và cả cộng đồng – vào vị trí trung tâm, tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

II. Thực trạng giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta hơn 20 năm qua

Với chức năng do Hiến pháp quy định, Quốc hội và Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã thể chế hóa những chủ trương và quan điểm nêu

trên của Đảng thành hệ thống pháp luật, chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể để đưa vào cuộc sống. Có thể nêu một số ví dụ như: Luật Đầu tư nước ngoài 1988, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học 1991, Luật Đất đai 1993, Bộ Luật Lao động 1994, Bộ Luật Dân sự 1995, Luật Doanh nghiệp 1999, Luật Khoa học và Công nghệ 2000, Luật Di sản văn hóa 2001, Luật Bảo vệ môi trường 2002, Luật Giáo dục 2005, Luật Bảo hiểm xã hội 2008...; các Chương trình mục tiêu quốc gia 126, 133, 135 về giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo trong cả nước, phát triển kinh tế-xã hội tại những xã đặc biệt khó khăn 1998-2000; Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo 2001-2010, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ 2001-2010; v.v... Nhờ vậy, sự nghiệp đổi mới ở nước ta hơn 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, trong đó có những thành tựu rất đáng khích lệ về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội gắn bó chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế, tuy vẫn còn những hạn chế và yếu kém nhất định.

1. Thành tựu

* *Tăng trưởng kinh tế*

Nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng khá cao trong nhiều năm liền. Tỷ lệ tăng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 1986-1990 là 4,4%, thời kỳ 1991-2000 là 7,5%, thời kỳ 2001-2005 là trên 7,5%; năm 2006 đạt 8,23%, năm 2007 đạt 8,46%; hai năm gần đây, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, GDP năm 2008 tăng 6,18% (4, tr.71) và năm 2009 dự kiến đạt 5,2%, nhưng vẫn thuộc nhóm nước có tỷ lệ tăng trưởng khá trong khu vực và trên thế giới.

Các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi giai

tầng xã hội. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người từ 200 USD năm 1990 tăng lên 1.034 USD năm 2008 (4). Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt.

* *Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*

Trong lĩnh vực lao động và việc làm: Từ năm 1991 đến năm 2000, trung bình hàng năm cả nước đã giải quyết cho khoảng 1 - 1,2 triệu người lao động có công ăn việc làm; những năm 2001-2005, con số đó tăng lên đến 1,4 - 1,5 triệu người; năm 2006 là trên 1,57 triệu người và năm 2007 là 1,6 triệu người. Công tác dạy nghề từng bước phát triển, góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ dưới 10% năm 1990 lên khoảng 23% năm 2007 (5, tr.35).

Công tác xóa đói giảm nghèo đạt được kết quả đầy ấn tượng. Theo chuẩn quốc gia (đã qua mấy đợt điều chỉnh lên), tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 30% năm 1992 xuống khoảng 13 - 14% năm 2008. Còn theo chuẩn do Ngân hàng Thế giới phối hợp với Tổng cục Thống kê tính toán, thì tỷ lệ nghèo chung^(*) đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 29% năm 2002 và còn khoảng 17% năm 2008. Như vậy, Việt Nam đã "hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015", mà *Mục tiêu Thiên niên kỷ* (MDG) của Liên Hợp Quốc đã đề ra (6, tr.1).

Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp từ mầm non, tiểu học đến cao đẳng, đại học. Năm 2000, cả nước đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đến cuối năm 2008, trên 40 tỉnh, thành đã đạt

(*) Tỷ lệ nghèo chung bao gồm cả nghèo lương thực, thực phẩm và nghèo phi lương thực, thực phẩm.

chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ người lớn (từ 15 tuổi trở lên) biết chữ đã tăng từ 84% cuối những năm 1980 lên 90,3% năm 2007. Từ năm 2006 đến nay, trung bình hàng năm quy mô đào tạo trung học chuyên nghiệp tăng 10%; cao đẳng và đại học tăng 7,4%. Những sinh viên nghèo được Ngân hàng chính sách xã hội cho vay với lãi suất ưu đãi để theo học.

Hoạt động khoa học và công nghệ có bước tiến đáng ghi nhận. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ (bao gồm khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật) đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đối nội của Đảng và Nhà nước; tiếp thu, làm chủ và ứng dụng có hiệu quả các công nghệ nhập từ nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực thông tin - truyền thông, lai tạo một số giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, thăm dò và khai thác dầu khí, phát triển điện lực, xây dựng cầu, đóng tàu biển có trọng tải lớn, sản xuất vắc-xin phòng dịch... và bước đầu có một số sáng tạo về công nghệ tin học.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng được nâng lên. Tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm từ 81‰ năm

1990 xuống còn khoảng 30‰ năm 2005; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đã giảm tương ứng từ 50% xuống còn khoảng 24%. Công tác tiêm chủng mở rộng được thực hiện, nhiều dịch bệnh hiểm nghèo trước đây đã được thanh toán hoặc khống chế. Đến nay các bệnh sốt rét, bấu cổ ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi đã giảm 60% so với năm 1995. Tuổi thọ trung bình của người dân từ 63 tuổi năm 1990 tăng lên 74,3 tuổi năm 2007.

Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng đều đặn và liên tục suốt mấy thập niên qua: từ 0,561 năm 1985 lần lượt tăng lên 0,599 năm 1990, 0,647 năm 1995, 0,690 năm 2000, 0,715 năm 2005 và 0,725 năm 2007 (7, tr.168). Nếu so với thứ bậc xếp hạng GDP bình quân đầu người thì xếp hạng HDI của Việt Nam năm 2007 vượt lên 13 bậc: GDP bình quân đầu người xếp thứ 129 trên tổng số 182 nước được thống kê, còn HDI thì xếp thứ 116/182. Điều đó chứng tỏ sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta có xu hướng phục vụ sự phát triển con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội khá hơn một số nước đang phát triển có GDP bình quân đầu người cao hơn Việt Nam. Có thể thấy rõ điều này qua bảng dưới đây.

**So sánh HDI của Việt Nam
và một số nước khác trên thế giới năm 2007 (7, tr. 172-173)**

Tên nước	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ tiêu về từng lĩnh vực				Xếp hạng HDI trong số 182 nước 2007	Xếp hạng GDP/người (USD PPP) trừ đi xếp hạng HDI 2007
		Tuổi thọ trung bình 2007	Tỷ lệ biết chữ ở người lớn 2007	Tỷ lệ nhập học gộp các bậc tiểu học, trung học, đại học 2007	GDP bình quân đầu người theo PPP/USD 2007		
Việt Nam	0,725	74,3	90,3	62,3	2.600	116	13
Ghine-xê đạo	0,719	49,9	87,0	62,0	30.627	118	- 90
Ai Cập	0,703	69,9	66,4	76,4	5.349	123	- 20
Nam Phi	0,683	51,5	88,0	76,8	9.757	129	- 51
Ấn Độ	0,612	63,4	66,0	61,0	2.753	134	- 6

2. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta cũng còn những hạn chế và yếu kém.

* Về kinh tế

Đến nay, Việt Nam vẫn còn là một nước đang phát triển, với mức thu nhập bình quân đầu người thuộc loại trung bình thấp. Trên 50% lao động xã hội làm việc trong các ngành nông - lâm - thủy sản; công nghiệp còn nhỏ bé, dịch vụ chưa phát triển. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN chưa được thể chế hóa đồng bộ. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng như: gia công, lắp ráp, khai thác tài nguyên, sử dụng nhiều vốn, công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao. Do đó, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém.

Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng nêu rõ: "Các thành phần kinh tế hoạt động đúng pháp luật đều là bộ phận hợp thành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh" (8, tr.83). Nhưng trên thực tế, vẫn còn không ít trường hợp, những doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế dân doanh chưa được tạo cơ hội công bằng để tiếp cận các yếu tố "đầu vào" của sản xuất kinh doanh (như đất đai, tín dụng, thông tin kinh tế, cơ chế, chính sách...) so với thành phần kinh tế nhà nước. Chính sách phân phối và điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, các ngành nghề, các vùng miền cũng còn bất hợp lý. Nhiều hàng hóa và dịch vụ (như điện, nước, xăng, dầu...) do một số tổng công ty hay tập đoàn kinh tế lớn của Nhà nước độc quyền kinh doanh

chẳng những đã hạn chế cạnh tranh lành mạnh, làm biến dạng các loại thị trường này, mà còn làm tăng giá cả, gây thiệt hại cho người tiêu dùng, v.v...

Nếu công bằng trong kinh tế là nền tảng của tiến bộ và công bằng xã hội nói chung, thì những bất hợp lý nêu trên không thể không gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong các lĩnh vực khác (như giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, y tế...). Và đến lượt chúng, sự phát triển không lành mạnh và bền vững của các lĩnh vực này lại tác động tiêu cực ngược trở lại đối với phát triển kinh tế.

* Về xã hội

- Những năm gần đây tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại, tình trạng tái nghèo còn nhiều, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường bị thiên tai, dịch bệnh, và từ năm 2008 đến nay lại chịu tác động bởi khủng hoảng tài chính, kinh tế trên thế giới và lạm phát tăng cao ở trong nước. Tính theo chuẩn do Ngân hàng Thế giới và Tổng cục Thống kê đưa ra, đến cuối năm 2008, tỷ lệ nghèo chung của cả nước còn khoảng 17%, tương đương 14 - 15 triệu người trong tổng số trên 85 triệu dân. Khoảng cách thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất trong tổng số dân cư đã tăng từ 4,43 lần năm 1992-1993 lên 8,14 lần năm 2006. Như vậy, xóa đói giảm nghèo, giúp cho người nghèo vươn lên trung bình và khá giả vẫn còn là một thách thức lớn đối với triển vọng phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng ở nước ta.

- Mặc dù tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đã giảm từ 8 - 9% vào đầu những năm 1990 xuống còn 4,64% năm 2007, nhưng từ đầu năm 2008 đến nay tỷ lệ thất nghiệp lại có xu hướng gia tăng do

nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất kinh doanh, thậm chí phải đóng cửa trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Đặc biệt, ở nông thôn nạn thiếu việc làm khá nghiêm trọng. Tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng trong độ tuổi ở nông thôn hiện nay chỉ đạt khoảng 80%. Nếu quy đổi 20% thời gian còn lại theo mức 250 ngày lao động/người/năm thì tương đương khoảng 3 - 4 triệu người không có việc làm, trong đó hầu hết là những lao động giản đơn, chưa được đào tạo nghề.

- Trong lĩnh vực giáo dục, nội dung chương trình giảng dạy và học tập vừa quá tải vừa lạc hậu; cơ cấu ngành nghề đào tạo thiếu cân đối, phương pháp dạy và học cũ kỹ, chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo ra nói chung còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Còn tồn tại một sự chênh lệch khá rõ về điều kiện học tập, cơ sở trường lớp giữa thành thị và nông thôn, miền xuôi và miền núi. Tỷ lệ học sinh là con em các gia đình nghèo và cận nghèo đi học đúng tuổi và học lên các cấp học cao đang có xu hướng giảm sút.

- Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân, mạng lưới y tế tuy được mở rộng, nhưng trang thiết bị còn thiếu thốn, phân bố chưa hợp lý, chưa thuận tiện cho dân. Cơ chế chính sách bảo hiểm y tế, thu viện phí và khám chữa bệnh cho người nghèo cũng còn không ít bất cập. Ước tính mỗi năm có hàng vạn người nghèo và cận nghèo phải vay lãi, bán gia cầm, gia súc hoặc tài sản cố định để chi trả viện phí. Vì thế, đối với người nghèo bị bệnh, nhất là các bệnh nặng đòi hỏi dịch vụ y tế chất lượng cao, là một rủi ro có thể đẩy họ vào bần cùng.

- Bên cạnh đó, nhiều vấn đề xã hội nhức nhối do mặt trái của kinh tế thị trường để ra, đặc biệt khi vai trò quản

lý của Nhà nước còn yếu, khi việc thực thi kỷ cương phép nước chưa nghiêm, là tệ tham nhũng, buôn lậu và những tệ nạn xã hội khác như ma túy, mại dâm, kéo theo sự lây lan của đại dịch HIV/AIDS... vẫn đang diễn biến phức tạp ở nhiều nơi. Môi trường sinh thái ở không ít thành phố và vùng nông thôn cũng đã bị ô nhiễm đến mức báo động.

Chính những hạn chế và yếu kém trên đây đã làm cho việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta hơn 20 năm qua chưa hoàn toàn đạt được kết quả như mong muốn.

(Còn nữa)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. H.: Sự thật, 1987.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. H.: Sự thật, 1991.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. H.: Chính trị quốc gia, 2001.
4. Tổng cục Thống kê. Niên giám thống kê năm 2008. H.: Thống kê, 2009.
5. Nguyễn Thị Kim Ngân. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng về các vấn đề xã hội. Tạp chí *Cộng sản*, số 4, năm 2008.
6. Cơ quan Đại diện Liên hợp quốc tại Việt Nam. Đưa các mục tiêu Thiên niên kỷ đến với người dân. Hà Nội, 2002.
7. UNDP. Human development report 2009. New York, 2009.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. H.: Chính trị quốc gia, 2006.